

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thanh.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Nửa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2020 và ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Thông báo ấn định thời gian xét xử số: 02/TB-TA ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Đoái Văn H, sinh năm 1966 (có mặt).

Bà Lưu Thị D, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D: Ông Lâm Đồng K, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1957 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh C.

- Bà Trần Thị B (Trần Thị E), sinh năm 1959 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1961 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh C.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh C.

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1933 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1965 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1966 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1954 (đã chết).

- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Bé C1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Bé T1 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Chị Nguyễn Thị P (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm H, xã H, huyện N, tỉnh C.

- Ông Trần Văn L2, sinh năm 1973 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn Lắc:

- Bà Nguyễn Kim T2 (Nguyễn Kim Khoa), sinh năm 1973.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Ngọc H1, sinh năm 2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn C trình bày: Vào năm 1997 cha ông là ông Trần Văn C có sang của ông Nguyễn Văn T ở ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C một phần đất chiều dài 15 công (tầm lớn) từ mé

sông Rạch Gốc trở lên qua lộ bê tông, chiều ngang 86 mét, khi sang chỉ làm giấy tay. Khi hai bên giao đất thì ông H, bà D đã cất nhà trên phần đất ngang 10 mét, dài từ mé sông lên lộ. Cha ông đồng ý cho ông H, bà D phần đất đã cất nhà. Sau đó ông H, bà D lấn thêm phần đất ngang 10 mét, dài hết đất. Nay ông yêu cầu ông Đoái Văn H, bà Lưu Thị D trả cho ông phần đất ngang 10 mét, dài từ mé sông lên đến lộ bê tông có tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Đông giáp đất ông Đoái Văn H.
- + Phía Tây giáp đất ông Dur Văn Thành.
- + Phía Nam giáp với lộ bê tông.
- + Phía Bắc giáp với sông Rạch Gốc.

Phần đất đang tranh chấp hiện nay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay sổ hợp đồng.

Chữ ký trong “Tờ nhượng mượn công” không xác định được có phải chữ ký của ông H không. Chữ ký trong “Tờ cho đất thổ cư cất nhà ở” không xác định được có phải chữ ký của ông H hay không nhưng trước đây là do ông H đưa cho ông. Tuy không xác định chữ ký có phải ông H ký hay không nhưng không yêu cầu giám định.

Trên phần đất tranh chấp còn các tài sản như sau: 01 ao có chiều ngang 15m, chiều dài 5m đào vào năm 2003 (ao không có thả con giống), 01 giếng nước tự khoan năm 2011, 01 chòi để hầm than cất vào năm 2016 làm bằng cây lá địa phương, 02 cây dừa trồng năm 2003 đang cho trái, 07 cây chuối chưa cho trái, 03 cây ổi (01 cây trồng năm 2014, 02 cây còn nhỏ), 01 cây me trồng năm 2012 chưa cho trái, 23 cây được trồng năm 2012. Các tài sản, cây trồng và ao là của ông H, bà D.

Ông thống nhất diện tích theo kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau và kết quả định giá của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ.

Đối với tài sản, cây trồng trên phần đất tranh chấp ông yêu cầu ông H và bà D có trách nhiệm tháo dỡ di dời các tài sản và cây trồng ra khỏi phần đất nếu có căn cứ xác định đất là của ông.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Thị D trình bày:* Phần đất đang tranh chấp được gia đình bà khai phá vào năm 1986 với chiều ngang 60 mét, chiều dài từ mé sông Rạch Gốc lên giáp với hậu đất của ông Tư Nhỏ. Đến năm 1990, vợ chồng bà có sang cho ông Tư Nhỏ một phần ngang 60 mét, dài từ lộ bê tông lên

đến giáp hậu đất ông Tư Nhỏ với giá 01 (một) chỉ vàng 24K và không có làm giấy tờ, phần đất còn lại vợ chồng bà quản lý. Đến năm 1997 vợ chồng bà có cho ông Nguyễn Văn Danh, ông Nguyễn Văn Thu, ông Nguyễn Công Bình, bà Nguyễn Út Chót mỗi người ngang 10 mét, chiều dài từ mé sông Rạch Gốc lên đến lộ bê tông. Hiện nay vợ chồng bà còn quản lý phần đất diện tích ngang 20 mét, dài từ mé sông Rạch Gốc lên đến lộ bê tông. Nay ông Trần Văn C yêu cầu vợ chồng bà trả phần đất diện tích ngang 10 mét, chiều dài từ mé sông Rạch Gốc lên đến lộ bê tông bà không đồng ý vì phần đất này vợ chồng bà tự khai phá. Phần đất đang tranh chấp hiện nay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay sổ hợp đồng.

Trên phần đất tranh chấp còn các tài sản như sau: 01 ao có chiều ngang 15m, chiều dài 5m đào vào năm 2003 (ao không có thả con giống), 01 giếng nước tự khoan năm 2011, 01 chòi để hầm than cất vào năm 2016 làm bằng cây lá địa phương, 02 cây dừa trồng năm 2003 đang cho trái, 07 cây chuối chưa cho trái, 03 cây ổi (01 cây trồng năm 2014, 02 cây còn nhỏ), 01 cây me trồng năm 2012 chưa cho trái, 23 cây đước trồng năm 2012. Các tài sản, cây trồng, ao và giếng khoan là của vợ chồng bà. Tuy nhiên, bà không yêu cầu ông C bồi thường vì đất đang tranh chấp là của gia đình bà.

Bà thống nhất diện tích theo kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau và không kết quả định giá của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ nhưng bà cũng không yêu cầu định giá, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoái Văn H trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Lưu Thị D. Ông không đồng ý trả cho ông Trần Văn C phần đất diện tích ngang 10 mét, chiều dài từ mé sông Rạch Gốc lên đến lộ bê tông.

Thống nhất diện tích theo kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau là 785,4m² và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/10/2019 của Tòa án. Không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C. Đối với cây trồng và tài sản trên phần đất tranh chấp nếu sau này có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông C thì ông cũng không yêu cầu gì vì ông xác định đất là của ông.

Ông xác định chữ ký trong “Tờ nhượng mượn công” không phải chữ ký của ông nhưng không yêu cầu giám định. Ông xác định chữ ký trong “Tờ cho đất thổ

cư cất nhà ở” không phải chữ ký của ông nhưng không yêu cầu giám định. Ông xác định không có sang đất cho ông Trần Văn Thu chỉ sang đất cho ông Tư Nhỏ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D trình bày: Phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông H, bà D tự khai phá và quản lý, sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1986 cho đến nay. Do đó, không thống nhất với yêu cầu của ông C.

Tại đơn đề nghị vắng mặt bà Nguyễn Thị Gập trình bày: Chồng bà là ông Trần Văn Chính đã chết vào năm 2006. Trước đây bà và ông Trần Văn Chính có sang nhượng của ông Nguyễn Văn Thu một phần đất có chiều ngang là 86m, chiều dài 15 công từ mé sông Rạch Gốc lên. Khi vợ chồng bà sang đất thì đã có nhà của vợ chồng ông Đoái Văn H, bà Lưu Thị D nên bà đồng ý cho vợ chồng ông H, bà D phần đất đã cất nhà. Nay vợ chồng ông H, bà D lấn chiếm phần đất ngang 10m, dài từ mé sông Rạch Gốc tới lộ nên yêu cầu ông H, bà D trả lại phần đất để cho ông H quản lý sử dụng.

Tại đơn đề nghị vắng mặt bà Trần Thị H, bà Trần Thị B, bà Trần Thị L trình bày: Trước đây cha mẹ của các bà là ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị G có sang nhượng của ông Nguyễn Văn T một phần đất có chiều ngang là 86m, chiều dài 15 công từ mé sông Rạch Gốc lên. Khi cha mẹ của các bà sang đất thì đã có nhà của vợ chồng ông Đoái Văn H, bà Lưu Thị D nên các bà đồng ý cho vợ chồng ông H, bà D phần đất đã cất nhà. Nay vợ chồng ông H, bà D lấn chiếm phần đất ngang 10m, dài từ mé sông Rạch Gốc tới lộ nên ông, bà yêu cầu ông H và bà D trả lại phần đất để cho ông H quản lý sử dụng.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị vắng mặt bà Nguyễn Kim T (Nguyễn Kim K) trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn L (ông L đã chết vào năm 2016). Trước đây cha mẹ chồng của bà là ông Trần Văn Chính và bà Nguyễn Thị Gập có sang nhượng của ông Nguyễn Văn T một phần đất có chiều ngang là 86m, chiều dài 15 công từ mé sông Rạch Gốc lên. Khi cha mẹ chồng của bà sang đất thì đã có nhà của vợ chồng ông Đoái Văn H, bà Lưu Thị D nên đồng ý cho vợ chồng ông H, bà D phần đã cất nhà. Nay vợ chồng ông H, bà D lấn chiếm phần đất ngang 10m, dài từ mé sông Rạch Gốc tới lộ nên bà yêu cầu ông H và bà D trả lại phần đất để cho ông H quản lý sử dụng.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị vắng mặt chị Trần Ngọc H3 trình bày: Chị là con của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim T (Nguyễn Thị K), cha chị là ông L đã chết vào năm 2016. Chị là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông

Lắc, chị yêu cầu ông H và bà D trả lại phần đất ngang 10m, dài 86m để cho ông C quản lý sử dụng.

Tại đơn đề nghị vắng mặt anh Trần Văn H2 trình bày: Anh là con của ông ông Trần Văn L và bà Nguyễn Kim T (Nguyễn Thị K), cha chị là ông L đã chết vào năm 2016. Anh xác định phần đất đang tranh chấp là của ông nội anh là ông Trần Văn C nên yêu cầu ông H và bà D trả lại phần đất ngang 10m, dài 86m để cho ông C quản lý sử dụng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01 tháng 12 năm 2020, chị Nguyễn Thị M trình bày: Theo chị được biết vào năm 1990 thì vợ chồng ông H và bà D có bán cho ông Bùi Văn N phần đất từ lộ làng lên đến hậu, có diện tích ngang 80m, dài 120m bằng giá là 01 chỉ vàng 24K. Ông Nhỏ quản lý cho đến đầu năm 1995, ông Nhỏ kêu vợ chồng ông H và bà D chuộc lại đất nhưng ông H và bà D không có tiền chuộc, ông Nhỏ mới nhờ ông H kêu người bán dùm. Ông H kêu cha bà là ông Nguyễn Văn Thu bán lại phần đất của ông Nhỏ cho cha bà cũng bằng 01 chỉ vàng 24K, vị trí bán đúng như vị trí vợ chồng ông H bán cho ông Nhỏ.

Đến năm 1998, cha, mẹ chị là ông Nguyễn Văn Thu và bà Trần Thị Nhẹ bán lại $\frac{1}{2}$ phần đất ngang 40m, dài 120m với giá 05 chỉ vàng 24K, vị trí từ lộ làng lên tới hậu. Đến năm 1999, thì cha mẹ bán hết phần đất còn lại cho ông Trần Văn Chính. Sau khi bán hết đất cho ông Chính thì cha, mẹ của chị không còn đất ở nên ông H và bà D có cho cha, mẹ của chị mượn phần đất dưới mé sông lên để ở, phần đất liền kề với đất của ông H và bà D. Sau đó, thì ông H và bà D cho cha, mẹ chị phần đất chiều ngang 10m, dài 80m từ mé sông lên lộ và đã được nhà nước cấp giấy đất.

* *Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T, huyện N:* Phần đất đang tranh chấp chiều ngang 10m, dài từ mé sông lên lộ bê tông giữa ông Trần Văn C với ông Đoái Văn H, bà Lưu Thị D thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tân Ân theo Quyết định số 284/QĐ-CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Ủy ban nhân dân xã Tân Ân yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tuân thủ pháp luật: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 203 Luật đất đai không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn C. Giao phần đất tranh chấp cho UBND xã Tân Ân quản theo Quyết định số 284/QĐ-CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D cư trú tại ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C trả lại phần đất ngang 10m, chiều dài 86m. Phần đất hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay có xảy ra tranh chấp, quá trình hòa giải tại UBND xã T, huyện N hòa giải không thành, đương sự lựa chọn Tòa án tiếp tục giải quyết. Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Bé T, chị Nguyễn Bé C, anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Bà Trần Thị L1, bà Trần Thị B, bà Trần Thị L2, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị G, bà Trần Thị N, bà Trần Thị H1, bà Nguyễn Kim T (Nguyễn Kim K), anh Trần Văn Hi2, chị Trần Ngọc H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Các bên đương sự đều có ý kiến tranh chấp với nhau về quyền sử dụng đất có diện tích 785,4 m² tọa lạc tại ấp Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Riêng đối với Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà M cho rằng phần đất đang tranh chấp thuộc diện do Nhà nước quản lý để thực hiện theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 30/1/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị định 163/1999/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, có cơ sở xác định tranh chấp giữa ông Trần Văn C với ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[3] Về nội dung: Phần đất ông Trần Văn C với ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D đang tranh chấp tọa lạc tại ấp Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh

Cà Mau theo kết quả đo đạc thực tế thể hiện vị trí, kích thước của phần đất đang tranh chấp có diện tích 785,4m².

[3.1] Ông Trần Văn C xác định phần đất đang tranh chấp là của cha ông là cụ Trần Văn Chính sang của ông Nguyễn Văn Thu vào năm 1997, khi sang nhượng thì đã có nhà của vợ chồng ông H, bà D trên đất nên cha ông cho vợ chồng ông H, bà D phần đất ngang 10m, dài từ mé sông Rạch Gốc lên tới lộ xi măng, phần còn lại ngang 10m, dài từ mé sông lên vợ chồng ông H, bà D chiếm cho đến nay. Phía ông H, bà D xác định phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông H, bà D tự khai phá vào năm 1986 và quản lý ổn định cho đến nay. Trước đây, vợ chồng ông H, bà D có sang cho ông Bùi Văn Nhỏ một phần đất từ phần lộ bên tông ngược lên giáp với đất của ông Nhỏ, sau đó ông Nhỏ không canh tác nên có nhờ ông H kêu người sang lại và ông Nhỏ sang lại cho cụ Chính phần đất mà vợ chồng ông H sang cho ông Nhỏ. Mặc dù, ông C xác định phần đất đang tranh chấp là phần đất của cụ Chính để lại nhưng ngoài giấy nhận của ông Nguyễn Văn Thu thì ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất đang tranh chấp là di sản của cụ Chính để lại.

[3.2] Theo xác nhận của ông Nguyễn Danh, ông Dư Văn Bình, ông Bùi Văn Nhỏ và chị Nguyễn Thị Mến thì nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D tự khai phá. Tuy nhiên, tại báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển xác định phần đất tranh chấp đã bị thu hồi theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 30/1/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và giao về cho Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển quản lý theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ. Phần đất đang tranh chấp được xác định thuộc quyền quản lý của Nhà nước mà trực tiếp là Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển. Ông Trần Văn C, ông Đoái Văn H đều không đăng ký để xin được xem xét cấp đất sử dụng theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 30/1/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và đến nay cũng chưa được xem xét cấp đất cho ai. Từ đó có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Văn C. Ông Trần Văn C, ông Đoái Văn H đều chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp (phần đất hiện thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển) nên việc ông Trần Văn C khởi kiện ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D để đòi lại phần đất là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D trả lại phần đất có diện tích 785,4m² tọa lạc tại ấp Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Trần Văn C không được chấp nhận nên ông C phải chịu chi phí đo đạc là 4.840.000 đồng và chi phí định giá là 5.500.000 đồng. Ông C đã thực hiện và thanh toán xong hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ nên ông C không phải nộp thêm.

[5] Đối với 01 ao có chiều ngang 15m, chiều dài 5m đào vào năm 2003 (ao không có thả con giống), 01 giếng nước tự khoan năm 2011, 01 chòi để hầm than cất vào năm 2016 làm bằng cây lá địa phương, 02 cây dừa trồng năm 2003 đang cho trái, 07 cây chuối chưa cho trái, 03 cây ổi (01 cây trồng năm 2014, 02 cây còn nhỏ), 01 cây me trồng năm 2012 chưa cho trái, 23 cây được trồng năm 2012. Do yêu cầu của ông C không được chấp nhận nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ có giá ngạch ông Trần Văn C phải chịu 11.388.300 đồng. Ngày 18 tháng 3 năm 2019, ông C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005519 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu, ông C tiếp tục nộp số tiền 9.388.300 đồng.

[7] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 49, Điều 125, Điều 135, Điều 136, Điều 164, Điều 165, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc đòi ông Đoái Văn H và bà Lưu Thị D trả lại phần đất có diện tích 785,4 m² tọa lạc tại ấp Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn C phải chịu chi phí đo đạc là 4.840.000 đồng và chi phí định giá là 5.500.000 đồng. Ông C đã thực hiện và thanh toán xong

hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ nên ông C không phải nộp thêm.

Về án phí: Án phí dân sự sơ có giá ngạch ông Trần Văn C phải chịu 11.388.300 đồng. Ngày 18 tháng 3 năm 2019, ông C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005519 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu, ông C tiếp tục nộp số tiền 9.388.300 đồng.

Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi